

Bản án số: 1011/2022/HSPT  
Ngày 30/11/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Huy C.

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Đức H; Ông Nguyễn Thanh N.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Th – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 775/2022/TL.HSPT ngày 20/10/2022 đối với bị cáo Nguyễn Đức C2 do có kháng cáo của bị hại ông Đỗ Đăng L đối với bản án hình sự sơ thẩm số 62/2022/HSST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện TT, thành phố H.

**- Bị cáo bị kháng cáo được triệu tập đến phiên tòa:**

**Nguyễn Đức C2**, sinh năm 1973 tại thành phố H; Nơi cư trú: Thôn 3B, xã CN, huyện TT, thành phố H; Giới tính: nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 6/10; Con ông Nguyễn Đức T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị V (đã chết); Vợ tên là Nguyễn Thị Th2; có 04 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại; Có mặt.

**- Bị hại kháng cáo được triệu tập đến phiên tòa:** ông Đỗ Đăng L, sinh năm 1975; Cư trú: Thôn 3B, xã CN, huyện TT, thành phố H; Có mặt.

**- Viện kiểm sát không kháng nghị bản án sơ thẩm.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 17h00' ngày 29/11/2021, ông Đỗ Đăng L cùng Nguyễn Đức C2, ông Nguyễn Mạnh Đ, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Tiến Y, ông Nguyễn Văn D và vợ chồng TT ở SS, QO (chưa rõ tên tuổi địa chỉ) đến ăn uống tại quán bia 79 thuộc thôn HB, xã DN, huyện TT, thành phố H. Quá trình ngồi ăn uống tại quán, ông L và C2 xảy ra mâu thuẫn về việc ông L không trả lãi số tiền ông L vay 30.000.000 đ của C2. Ông L chửi, thách đố và định hất bia vào mặt C2. C2 chạy ra xe ô tô của mình để cách quán khoảng 10m mở cốp lấy 01 thanh tuýp sắt dạng hộp vuông, kích thước (3x3)cm, dài 67cm đi vào trong quán. Lúc này, ông L cũng từ trong quán đi ra. Khi cách ông L khoảng 01m thì C2 cầm tuýp sắt giơ lên vụt vào khu vực mạn sườn bên phải ông L. Ông L giơ tay phải lên đỡ được. C2 vụt tiếp 01 phát nữa trúng vào vùng mạn sườn bên trái

ông L. Mọi người thấy vậy vào can ngăn, C2 lên xe ô tô đi về, còn ông L được ông Đ, ông Y đưa về nhà nằm nghỉ. Đến sáng ngày 30/11/2021, ông L thấy vị trí bị C2 đánh vẫn còn đau nên đến Bệnh viện đa khoa TT điều trị từ ngày 30/11/2021 đến ngày 07/12/2021 thì ra viện.

Tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số 360/TTPY ngày 25/3/2022 của Trung tâm pháp y Hà Nội kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông L tại thời điểm giám định: Gãy xương sườn IX bên trái: 02 %; Tràn dịch màng phổi trái: 03%; Đụng dập nhẹ đáy phổi trái: 06%; Cơ chế hình thành thương tích: Do vật tày gây nên. Tỷ lệ tổn hại sức khỏe là: 11% tính theo phương pháp cộng lùi.

Về dân sự: Tại phiên tòa sơ thẩm ông L yêu cầu bị cáo bồi thường các khoản chi phí cho việc chữa trị và tiền thu nhập bị mất 30.000.000đ trong 7 tháng với tổng số tiền là 200.000.000đ.

*Tại bản án hình sự sơ thẩm số 62/2022/HSST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện TT, thành phố H đã quyết định:*

Tuyên bố: Nguyễn Đức C2 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Đức C2 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 54 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Đức C2 cho UBND xã CN, huyện TT, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 590 Bộ luật dân sự buộc C2 phải bồi thường cho ông Đỗ Đăng L số tiền 61.219.642đ. Số tiền này được trừ vào số tiền 50.000.000đ mà bị cáo Nguyễn Đức C2 đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho ông L nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TT theo biên lai số AA/2020/0018886 ngày 29/8/2022. Số tiền 11.219.642đ còn lại, buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho ông L.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi xuất chậm trả; Xử lý vật chứng; Án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 05/9/2022 bị hại ông Đỗ Đăng L nộp đơn kháng cáo đề nghị không cho bị cáo hưởng án treo và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 225.000.000đ.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Bị cáo Nguyễn Đức C2 có quan điểm: Không có ý kiến về kháng cáo của ông Đỗ Đăng L; Đồng ý tội danh, luật cấp sơ thẩm xét xử; Đồng ý kết luận giám định thương tích đối với ông L; Bị cáo khai báo thành khẩn hành vi phạm tội như tại Cơ quan điều tra và xin giữ nguyên bản án sơ thẩm; Bị cáo nộp biên lai của Chi cục thi hành án dân sự huyện TT về việc đã nộp số tiền còn phải bồi thường tiếp, án phí hình sự, dân sự theo quyết định của bản án sơ thẩm.

- Bị hại ông Đỗ Đăng L có quan điểm: Giữ nguyên kháng cáo; Đồng ý tội danh, luật cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo; Đồng ý kết luận giám định về thương tích và yêu cầu: + Về hình sự: Đề nghị không cho bị cáo hưởng án treo. + Về trách nhiệm dân sự: Yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 225.000.000đ bao gồm tiền điều trị vết thương, tiền tổn thất tinh thần, tiền mất thu nhập trong 7 tháng, mỗi tháng là 30.000.000đ. Tại phiên tòa, ông L không nộp thêm các tài liệu chứng cứ nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: + Về tố tụng: Đề nghị giải quyết đơn kháng cáo của bị hại ông Đỗ Đăng L theo thủ tục phúc thẩm. + Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L; Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị hại ông Đỗ Đăng L nộp trong thời hạn luật định nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Ông Đỗ Đăng L vay 30.000.000đ của Nguyễn Đức C2. Đến ngày 29/11/2021 tại quán bia 79 thuộc thôn HB, xã DN, Huyện TT, thành phố H giữa ông L và C2 xảy ra mâu thuẫn về việc ông L không trả tiền lãi vay. Ông L chửi, định hất cốc bia vào mặt C2 và thách đố C2 đánh nhau. Thấy vậy, C2 chạy ra xe ô tô của mình đỗ bên ngoài quán bia lấy 1 tuýt sắt rồi đi vào quán. Khi gặp ông L, C2 cầm tuýt sắt vọt vào khu vực mạn sườn bên phải, ông L giơ tay đỡ được, C2 tiếp tục vọt 01 cái vào mạn sườn bên trái thì được mọi người can ngăn nên sự việc dừng lại.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Đức C2 gây tổn hại sức khỏe cho ông L 11% nên cấp sơ thẩm đã xét xử C2 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng quy định.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông L về việc không cho bị cáo hưởng án treo thấy:

Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ mâu thuẫn cá nhân, ông L cũng có một phần lỗi. Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Lần đầu phạm tội. Có nơi cư trú rõ ràng. Tại cấp sơ thẩm bị cáo đã nộp tiền tại Cơ quan thi hành án để bồi thường cho ông L. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo tiếp tục nộp số tiền còn phải bồi thường cho ông L, án phí hình sự, dân sự sơ thẩm tại Cơ quan thi hành án. Tại phiên tòa khai khai báo thành khẩn; Ăn năn hối cải.

Đánh giá các căn cứ quyết định hình phạt thấy cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn và cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là phù hợp, đủ để giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L.

- Về yêu cầu kháng cáo tăng mức bồi thường thiệt hại thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 225.000.000đ bao gồm tiền viện phí; Tiền công lao động bị mất trong 7 tháng, mỗi tháng 30.000.000đ; Tiền bồi thường về tinh thần.

Cấp sơ thẩm đã chấp nhận các khoản sau:

- Tiền viện phí và tiền thuốc 7.769.642đ; Tiền thuê taxi đi điều trị và đi khám lại ở bệnh viện đa khoa huyện TT và phòng khám đa khoa V là 3.500.000đ; Tiền chữa trị bó lá ở thị trấn P, huyện ĐP là 1.400.000đ; Tiền thuê taxi đi bó lá là 2.600.000đ.

- Đối với khoản thu nhập bị mất trong thời gian điều trị: Theo ý kiến của

người có chuyên môn (ông Bùi Đăng L2 - Hội thẩm nhân dân huyện TT, nguyên Phó Giám đốc bệnh viện huyện TT) cho biết: Với tình trạng thương tích như của ông Đỗ Đăng L thì thời gian mất khoảng từ 01 tháng rưỡi hoặc tối đa đến 02 tháng kể từ khi ra viện thì người bệnh sẽ bình phục hoàn toàn. Ngoài phương pháp điều trị theo y học hiện đại thì người bệnh có thể kết hợp điều trị theo phương pháp dân gian như bó lá thuốc Nam thì thời gian bình phục càng nhanh chóng. Theo xác minh của Cơ quan điều tra thì thu nhập bình quân của lao động cùng loại như ông L là thợ mộc lành nghề (thợ cưa) ở địa phương có thu nhập từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ/tháng.

Do đó, tiền thu nhập thực tế bị mất của ông L trong thời gian điều trị là:  $02 \text{ tháng} \times 15.000.000\text{đ}/\text{tháng} = 30.000.000\text{đ}$ .

- Tuy bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại về tổn thất về tinh thần và không yêu cầu tiền công người chăm sóc trong 7 ngày nằm viện và sau khi ra viện nhưng Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông L:

+ Ngày công cho 1 người chăm sóc trong 7 ngày nằm viện và 10 ngày sau khi ra viện, tổng cộng là 17 ngày  $\times 500.000\text{đ}/1 \text{ ngày} = 8.500.000\text{đ}$ ;

+ Tiền tổn thất về tinh thần cho ông L bằng 5 tháng lương tối thiểu theo quy định là  $1.490.000\text{đ}/\text{tháng} \times 5 = 7.450.000\text{đ}$ .

Tổng cộng các khoản tiền bị cáo phải bồi thường cho ông L là 61.219.642đ.

Tại cấp phúc thẩm ông L không nộp thêm các tài liệu chứng cứ liên quan đến bồi thường thiệt hại, thu nhập hàng tháng là 30.000.000đ và phải điều trị trong thời gian 7 tháng nên không có cơ sở để xem xét.

Đánh giá các tài liệu chứng cứ về bồi thường sức khỏe bị thiệt hại có trong hồ sơ vụ án; Quy định của pháp luật về bồi thường sức khỏe bị xâm phạm và thực tế thu nhập của người lao động, mức bồi dưỡng sức khỏe thực tế tại địa phương, thấy cấp sơ thẩm đã tính các khoản bị cáo phải bồi thường cho ông L là phù hợp nên giữ nguyên phần trách nhiệm dân sự mà cấp sơ thẩm đã quyết định.

Bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền 61.219.642đ bồi thường thiệt hại cho ông L tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TT, thành phố H. Ông L được nhận số tiền bồi thường thiệt hại nêu trên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TT, thành phố H khi làm thủ tục yêu cầu thi hành án phần quyết định trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Bởi các nhận định trên, không chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Đăng L; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Xác nhận bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0018931 ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TT, thành phố H.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

I. Căn cứ Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại ông Đỗ Đăng L; Giữ

nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 62/2022/HSST ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện TT, thành phố H.

1. Áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Đức C2 27 (hai mươi bảy) tháng tù** về tội “Cố ý gây thương tích”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **54 (năm mươi bốn) tháng** kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức C2 về Ủy ban nhân dân xã CN, huyện TT, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 65 Bộ luật hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 590 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức C2 phải bồi thường cho bị hại ông Đỗ Đăng L số tiền 61.219.642đ (sáu mươi một triệu hai trăm mười chín nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng).

Xác nhận bị cáo Nguyễn Đức C2 đã nộp số tiền bồi thường trên tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TT, thành phố H theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0018886 ngày 29/8/2022 với số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và Biên lai thu tiền số AA/2020/0018931 ngày 14/10/2022 với số tiền 11.219.642đ (mười một triệu hai trăm mười chín nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng).

Bị hại ông Đỗ Đăng L được nhận số tiền trên khi làm thủ tục yêu cầu thi hành án phần quyết định trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

II. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Đức C2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

III. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 30/11/2022.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC**

**THẨM**

*Nơi nhận:*

**TOÀ**

- Viện kiểm sát ND TP H;
- Tòa án ND huyện TT;
- Viện kiểm sát ND huyện TT;
- Công an huyện TT;
- Chi cục thi hành án DS huyện TT;
- Bị cáo và bị hại;
- UBND xã CN, huyện TT, thành phố H;
- Lưu hồ sơ và văn phòng

**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN**

**Phan Huy C**